

BỘ LUẬT PHÒNG, CHỐNG DOPING THỂ GIỚI

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ



DANH MỤC CẤM

THÁNG 01 - 2016



Danh mục cấm này có hiệu lực từ ngày 01 Tháng 1 năm 2016.

Danh mục chính thức do WADA ban hành và được xuất bản bằng Tiếng Anh và Tiếng Pháp.
Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản Tiếng Anh và Tiếng Pháp thì bản Tiếng Anh sẽ được ưu tiên.

THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 4.2.2 BỘ LUẬT PHÒNG, CHỐNG DOPING THỂ GIỚI, TẤT CẢ CÁC CHẤT CẤM ĐỀ BỊ COI LÀ “CHẤT ĐẶC HIỆU” TRỪ CÁC CHẤT THUỘC NHÓM S1, S2, S4.4, S4.5, S6.a, VÀ PHƯƠNG PHÁP CẤM M1, M2 VÀ M3.

CÁC CHẤT CẤM & PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM MỌI THỜI ĐIỂM

(CẢ TRONG VÀ NGOÀI THI ĐẤU)

CHẤT CẤM

S0 NHỮNG CHẤT CHƯA ĐƯỢC THÔNG QUA

Tất cả những dược chất chưa được liệt kê trong các phần dưới đây của Danh mục và chưa được bất cứ cơ quan Y tế có thẩm quyền nào thông qua cho phép dùng để điều trị cho người (ví dụ: những chất đang trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm, bị đình chỉ, hoặc chỉ sử dụng cho gia súc) bị cấm tại mọi thời điểm.

S1 NHỮNG CHẤT ĐỒNG HÓA

Những chất đồng hóa bị cấm.

1. Những chất thuộc nhóm ANABOLIC ANDROGENIC STEROIDS (AAS)

a. Những chất AAS ngoại sinh*, bao gồm:

1-Androstenediol (5α -androst-1-ene- 3β , 17β -diol);
1-Androstenedione (5α -androst-1-ene- $3,17$ -dione);
1-Testosterone (17β -hydroxy- 5α -androst-1-en- 3 -one);
4-Hydroxytestosterone ($4,17\beta$ -dihydroxyandrost-4-en- 3 -one);
19-Norandrostenedione (estr-4-ene- $3,17$ -dione);
Bolandioli (estr-4-ene- 3β , 17β -diol);
Bolasterone;
Boldenone;
Boldione (androst-1,4-diene- $3,17$ -dione);
Calusterone;
Clostebol;
Danazol ([$1,2$]oxazolo[$4',5':2,3$]pregna-4-en- 20 -yn- 17α -ol);

Dehydrochlormethyltestosterone (4 -chloro- 17β -hydroxy- 17α -methylandrosta- $1,4$ -dien- 3 -one);

Desoxymethyltestosterone (17α -methyl- 5α -androst- 2 -en- 17β -ol);

Drostanolone;

Ethylestrenol (19 -norpregna- 4 -en- 17α -ol);

Fluoxymesterone;

Formebolone;

Furazabol (17α -methyl

[$1,2,5$]oxadiazolo[$3',4':2,3$]- 5α -androstan- 17β -ol);

Gestrinone;

Mestanolone;

Mesterolone;

Metandienone (17β -hydroxy- 17α -methylandrosta- $1,4$ -dien- 3 -one);

Metenolone;

Methandriol;

Methasterone (17β -hydroxy- $2\alpha,17\alpha$ -dimethyl- 5α -androstan- 3 -one);

Methyldienolone (17β -hydroxy- 17α -methylestra- $4,9$ -dien- 3 -one);

Methyl-1-testosterone (17β -hydroxy- 17α -methyl- 5α -androst- 1 -en- 3 -one);

Methylnortestosterone (17β -hydroxy- 17α -methylestr- 4 -en- 3 -one);

Methyltestosterone;

Metribolone (methyltrienolone, 17β -hydroxy- 17α -methylestra- $4,9,11$ -trien- 3 -one);

Mibolerone;
Nandrolone;
 Norboletone;
 Norclostebol;
 Norethandrolone;
Oxabolone;
 Oxandrolone;
 Oxymesterone;
 Oxymetholone;
Prostanazol (17β-[(tetrahydropyran-2-yl)oxy]-1'Hpyrazolo[3,4:2,3]-5α-androstane);
Quinbolone;
Stanazolol;
 Stenbolone;
Tetrahydrogestrinone (17-hydroxy-18a-homo-19-nor-17α-pregna-4,9,11-trien-3-one);
 Trenbolone (17β-hydroxyestr-4,9,11-trien-3-one);
 và tất cả các chất còn lại có cấu trúc hóa học tương tự hoặc tác dụng sinh học tương tự.

b. Những chất AAS nội sinh khi được đưa vào cơ thể :**

Androstenediol (androst-5-ene-3β,17β-diol);
Androstenedione (androst-4-ene-3,17-dione);
Dihydrotestosterone (17β-hydroxy-5α-androstan-3-one);
Prasterone (dehydroepiandrosterone, DHEA, 3β-hydroxyandrost-5-en-17-one);
Testosterone;

Và các chất chuyển hóa và các đồng phân của chúng, bao gồm (nhưng không giới hạn ở danh sách sau):

3β-Hydroxy-5α-androstan-17-one;
5α-Androstane-3α,17α-diol;
 5α-Androstane-3α,17β-diol;
 5α-Androstane-3β,17α-diol;
 5α-Androstane-3β,17β-diol;
5β-Androstane-3α,17β-diol;
7α-Hydroxy-DHEA;
7β-Hydroxy-DHEA;
4-Androstenediol (androst-4-ene-3β, 17β-diol)

5-Androstenedione (androst-5-ene-3,17-dione);
7-Keto-DHEA;
19-Norandrosterone;
 19-Noretiocholanolone.
Androst-4-ene-3α,17α-diol;
 Androst-4-ene-3α,17β-diol;
 Androst-4-ene-3β,17α-diol;
 Androst-5-ene-3α,17α-diol;
 Androst-5-ene-3α,17β-diol;
 Androst-5-ene-3β,17α-diol;
 Androsterone
Epi-dihydrotestosterone;
 Epitestosterone;
 Etiocholanolone.

2. NHỮNG CHẤT ĐỒNG HÓA KHÁC

Bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

Clenbuterol, selective androgen receptor modulators (SARMs, ví dụ andarine và ostarine), tibolone, zeranol và zilpaterol.

Ghi chú:

* “ngoại sinh” để chỉ những chất không do cơ thể con người sản xuất một cách tự nhiên.

** “nội sinh” để chỉ những chất do cơ thể con người sản xuất một cách tự nhiên.

S2 CÁC HORMONE PEPTID, YẾU TỐ TĂNG TRƯỞNG, CÁC CHẤT LIÊN QUAN

Những chất sau đây, kể cả những chất khác có cấu trúc hoá học tương tự, hoặc tác dụng sinh học tương tự, đều bị cấm:

1. Erythropoietin-Receptor agonists:

1.1 Erythropoiesis-Stimulating Agents (ESAs) gồm ví dụ

Darbepoietin (dEPO);

Erythropoietins (EPO);

EPO-Fc;

EPO-mimetic peptides (EMP), e.g. CNTO

530 and

peginesatide; methoxy polyethylene glycol-epoetin
beta (CERA).

1.2 Non-erythropoietic EPO-Receptor agonists, ví dụ

ARA-290;
asialo EPO;
carbamylated EPO.

2. Hypoxia-inducible factor (HIF) stabilizers, ví dụ cobalt và FG-4592; và chất hoạt hóa HIF, ví dụ argon, xenon;

3. Chorionic Gonadotrophin (CG) và Luteinizing Hormone (LH) và yếu tố giải phóng của nó, ví dụ buserelin, gonadorelin và leuporelin, ở nam giới;

4. Corticotrophins và những yếu tố giải phóng của nó, ví dụ corticorelin;

5. Hormone tăng trưởng (GH) và những yếu tố giải phóng gồm:

Hormone giải phóng Hormone tăng trưởng (GHRH) và những chất có cấu trúc hóa học tương tự, ví dụ CJC-1295, sermorelin và tesamorelin;

Growth Hormone Secretagogues (GHS), ví dụ ghrelin

và ghrelin mimetics, ví dụ anamorelin và ipamorelin;

GH-Releasing Peptides (GHRPs), ví dụ alexamorelin,

GHRP-6, hexarelin và pralmorelin (GHRP-2).

Những yếu tố tăng trưởng sau cũng bị cấm:

Fibroblast Growth Factors (FGFs);

Hepatocyte Growth Factor (HGF);

Insulin-like Growth Factor-1 (IGF-1) and its analogues;

Mechano Growth Factors (MGFs);

Platelet-Derived Growth Factor (PDGF);

Vascular-Endothelial Growth Factor (VEGF)

và những chất kích thích tăng trưởng khác, tác động tới sự tổng hợp/thoái hóa cơ, gân, dây chằng,

mạch máu, sử dụng năng lượng, tăng khả năng tái sinh chất xơ.

S3 NHÓM TÁC DỤNG CHỌN LỌC BETA 2 (BETA-2 AGONISTS)

Tất cả những chất thuộc nhóm này, và các chất có cấu trúc hóa học tương tự với chúng (ví dụ dạng d- và l-) là những chất bị cấm.

Ngoại trừ:

- Salbutamol dạng xịt hơi (tối đa 1600µg trong vòng 24h);
- Formoterol dạng hơi (liều dùng tối đa 54µg trong vòng 24h), và
- Salmeterol dạng xịt tương ứng với khuyến nghị của bác sỹ điều trị và nhà sản xuất.

Salbutamol với nồng độ trong nước tiểu vượt quá 1000 ng/mL hoặc formoterol vượt quá 40 ng/mL được coi là sử dụng không phải mục đích điều trị và sẽ bị coi như Kết quả kiểm tra bất lợi (Adverse Analytical Finding - AAF), trừ khi vận động viên chứng minh được, thông qua quá trình nghiên cứu được lý được kiểm soát, rằng nồng độ bất thường đó là hệ quả của việc sử dụng liều lượng xịt hơi cho đến mức tối đa được nêu ở trên.

S4 HORMONE VÀ CÁC CHẤT CHUYỂN HÓA

Các hormone và chất chuyển hóa sau bị cấm:

1. Chất ức chế Aromatase bao gồm (nhưng không giới hạn ở):

4-Androstene-3,6,17 trione (6-oxo);

Aminoglutethimide;

Anastrozole;

Androsta-1,4,6-triene-3,17-dione

(androstatrienedione);

Exemestane;

Formestane;

Letrozole;

Testolactone.

2. Selective estrogen receptor modulators (SERMs)

gồm (nhưng không giới hạn ở):

Raloxifene;
Tamoxifen;
Toremifene.

3. Những chất anti-estrogenic khác gồm (nhưng không giới hạn ở):

Clomiphene;
Cyclofenil;
Fulvestrant.

4. Những chất làm thay đổi chức năng của cơ, bao gồm, nhưng không giới hạn ở những chất ức chế chức năng cơ (myostatin inhibitors)

5. Những chất làm thay đổi chuyển hóa:

5.1 Chất hoạt hóa của AMP-activated protein kinase

(AMPK), ví dụ AICAR; và
Peroxisome Proliferator Activated Receptor δ (PPAR δ) agonists, ví dụ GW 1516;

5.2 Insulins và insulin-mimetics;

5.3 Meldonium;

5.4 Trimetazidine.

chế carbonic anhydrase được sử dụng trong nhãn khoa (ví dụ dorzolamide, brinzolamide).

- Sử dụng riêng felypressin trong gây tê nha khoa.

Việc phát hiện trong mẫu xét nghiệm của vận động viên ở tất cả mọi thời điểm hoặc trong thi đấu, nếu phù hợp, bất kỳ một lượng nào các chất cấm có giới hạn ngưỡng sau đây: formoterol, salbutamol, cathine, ephedrine, methylephedrine và pseudoephedrine, kết hợp với chất lợi tiểu hoặc chất che dấu, sẽ bị coi là Kết quả phân tích bất lợi trừ khi vận động viên đã được cấp Miễn trừ do điều trị (TUE) cho phép sử dụng chất đó đồng thời với một chất lợi tiểu hoặc chất che dấu.

S5 CHẤT LỢI TIỂU VÀ CHẤT CHE DẤU

Những chất lợi tiểu và chất che dấu dưới đây cũng như các chất có cấu trúc hóa học tương tự hoặc có tác dụng sinh học tương tự bị cấm:

Bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- Desmopressin; probenecid; plasma expanders, như glycerol và albumin, dextran, hydroxyethyl starch, mannitol được sử dụng dưới dạng tiêm truyền tĩnh mạch.
- Acetazolamide; amiloride; bumetanide; canrenone; chlortalidone; etacrynic acid; furosemide; indapamide; metolazone; spironolactone; thiazides, ví dụ bendroflu - methiazide, chlorothiazide và hydrochlorothiazide; triamterene and vaptans, ví dụ tolvaptan.

Ngoại trừ:

- Drospirenone; pamabrom; và các chất ức

PHƯƠNG PHÁP CẤM

M1 TÁC ĐỘNG TỚI MÁU VÀ CÁC THÀNH PHẦN CỦA MÁU

Các phương pháp sau bị cấm:

1. Nhận máu hoặc truyền máu tự thân với bất kỳ liều lượng nào, truyền máu và các thành phần của máu dưới bất kỳ hình thức nào vào hệ thống tuần hoàn.
2. Tăng nhân tạo quá trình hấp thu vận chuyển và cung cấp oxy, kể cả perfluorochemicals, efaproxiral (RSR13) và các sản phẩm haemoglobin đã bị biến đổi, ví dụ haemoglobin-based blood substitutes, microencapsulated haemoglobin products), trừ việc thở oxy.
3. Tất cả các dạng bơm/tiêm tĩnh mạch máu hoặc thành phần của máu bằng phương pháp vật lý hoặc hóa học.

M2 NHỮNG TÁC ĐỘNG HÓA HỌC VÀ VẬT LÝ

Các phương pháp sau bị cấm:

1. *Giả mạo*, hoặc *cố ý làm sai lệch*, nhằm làm thay đổi sự toàn vẹn và tính hợp lệ của Mẫu xét nghiệm được thu thập trong quá trình *kiểm tra Doping*.
Gồm, nhưng không giới hạn ở việc thay thế và/hoặc giả mạo nước tiểu, ví dụ proteases
2. Tiêm và/hoặc truyền tĩnh mạch nhiều hơn 50 mL trong vòng 6 giờ; trừ những trường hợp đang điều trị hợp pháp theo hồ sơ bệnh viện, phẫu thuật hoặc trong quá trình kiểm tra lâm sàng.

M3 DOPING GIEN

Các phương pháp sau bị cấm, với khả năng tăng thành tích thi đấu trong thể thao:

1. Chuyển các đoạn (polymers) của acid

nucleic hoặc các hợp chất tương tự acid nucleic;

2. Sử dụng những tế bào bình thường hoặc bị biến đổi di truyền.

CÁC CHẤT & PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM TRONG THI ĐẤU

BỔ SUNG CHO CÁC NHÓM TỪ S0 ĐẾN S5 VÀ M1 ĐẾN M3 ĐÃ ĐƯỢC NÊU, CÁC NHÓM SAU BỊ CẤM TRONG THI ĐẤU:

CHẤT CẤM

S6 CHẤT KÍCH THÍCH

Tất cả các chất kích thích, bao gồm các đồng phân (dạng d- và l-) đều bị cấm.

Các chất kích thích gồm:

a: Chất kích thích không đặc hiệu:

Adrafinil;
Amfepramone;
Amfetamine;
Amfetaminil;
Amiphenazole;
Benfluorex;
Benzylpiperazine;
Bromantan;
Clobenzorex;
Cocaine;
Cropropamide;
Crotetamide;
Fencamine;
Fenetylline;
Fenfluramine;
Fenproporex;
Fonturacetam [4-phenylpiracetam (carphedon)];
Furfenorex;
Mefenorex;
Mephentermine;
Mesocarb;
Metamfetamine(d-);
p-Methylamphetamine;
Modafinil;
Norfenfluramine;

Phendimetrazine;

Phentermine;

Prenylamine;

Prolintane.

Những chất kích thích không nêu trong danh sách trên đây, được coi là những chất kích thích đặc hiệu.

b: Chất kích thích đặc hiệu:

Bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

Benzfetamine;

Cathine**;

Cathinone và dẫn xuất của nó, ví dụ mephedrone, methedrone, và α -pyrrolidinovalerophenone;

Dimethylamphetamine;

Ephedrine***;

Epinephrine***** (adrenaline);

Etamivan;

Etilamfetamine;

Etilefrine;

Famprofazone;

Fenbutrazate;

Fencamfamin;

Heptaminol;

Hydroxyamfetamine (parahydroxyamphetamine);

Isometheptene;

Levmetamfetamine;

Meclofenoxate;

Methylenedioxymethamphetamine;

Methylephedrine***;

Methylhexaneamine (dimethylpentylamine);

Methylphenidate;

Nikethamide;
 Norfenefrine;
 Octopamine;
 Oxilofrine (methysynephrine);
 Pemoline;
 Pentetrazol;
 Phenethylamine and its derivatives;
 Phenmetrazine;
 và những chất khác có cấu trúc hóa học hoặc tác động sinh học tương tự.

Ngoại trừ:

- Clonidine
- Các dẫn xuất của imidazole sử dụng trong nhãn khoa hoặc sử dụng cục bộ và những chất kích thích nằm trong Chương trình Giám sát năm 2016*.

* Bupropion, caffeine, nicotine, phenylephrine, phenylpropanolamine, pipradrol, and synephrine: Những chất này thuộc Chương trình Giám sát 2016 và không bị xem là Chất cấm.

** Cathine: Bị cấm khi có mặt trong nước tiểu với nồng độ lớn hơn 5 µg/mL.

*** Ephedrine và methylephedrine: Bị cấm khi có mặt trong nước tiểu với nồng độ lớn hơn 10 µg/mL.

**** Epinephrine (adrenaline): Không bị cấm khi sử dụng tại một vùng nhất định như dùng cho mũi, mắt, hoặc kết hợp với thuốc gây mê cục bộ.

***** Pseudoephedrine: bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu lớn hơn 150 µg/mL.

Phenpromethamine;
 Propylhexedrine;
 Pseudoephedrine*****;
 Selegiline;
 Sibutramine;
 Strychnine;
 Tenamfetamine (methylenedioxyamphetamine);
 Tuaminoheptane;
 Oxymorphone;
 Pentazocine;
 Pethidine.

S8 CHẤT CANNABINOIDS (CÂN SA)

Cấm:

- Dạng tự nhiên, ví dụ cannabis, hashish, marijuana, hoặc dạng tổng hợp của Δ9-tetrahydrocannabinol (THC).
- Cannabimimetics, ví dụ “Spice”, JWH-018, JWH-073, HU-210.

S9 GLUCOCORTICOIDS

Tất cả các glucocorticosteroids đều bị cấm, kể cả bằng đường uống, tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp hoặc đặt qua đường hậu môn.

S7 THUỐC MÊ

Cấm:

Buprenorphine;
 Dextromoramide;
 Diamorphine (heroin);
 Fentanyl và chất dẫn xuất của nó;
 Hydromorphone;
 Methadone;
 Morphine;
 Oxycodone;

CÁC CHẤT CẤM TRONG CÁC MÔN THỂ THAO

P1 CỒN (ALCOHOL)

Cồn (Alcohol/ethanol) chỉ bị cấm trong khi thi đấu trong những môn thể thao sau đây. Việc phát hiện được tiến hành bằng phân tích hơi thở hoặc xét nghiệm máu. Ngưỡng bị tính là một vi phạm Doping là khi có nồng độ cồn trong máu tương đương 0.10 g/L.

- Air Sports (FAI): Thể thao trên không
- Archery (WA): Bắn cung
- Automobile (FIA): Đua ô tô
- Powerboating (UIM): Đua thuyền

P2 NHÓM THUỐC CHẸN BETA (BETA-BLOCKERS)

Các chất beta-blockers chỉ bị cấm khi thi đấu, trong các môn thể thao dưới đây và được chỉ rõ nếu bị cấm cả ở ngoài thi đấu:

- Archery (WA)*: Bắn cung
- Automobile (FIA): Đua ô tô
- Billiards (tất cả các nội dung thi đấu) (WCBS)
- Darts (WDF): Phi tiêu
- Golf (IGF)
- Shooting (ISSF, IPC)*: bắn súng

- Trượt tuyết/Trượt ván trên tuyết (FIS) với ski jumping, freestyle aerials/halfpipe và snowboard halfpipe/big air
- Thể thao dưới nước (CMAS) trong môn lặn vo với trọng lượng cố định (constant-weight apnoea) có hoặc không có chân nhái, lặn vo động (dynamic apnoea) có hoặc không có chân nhái, free immersion apnoea, lặn vo dạng Jump Blue, spearfishing, lặn vo tĩnh (static apnoea), lặn vo bắn súng mục tiêu và variable weight.

*Cũng bị cấm ngoài thi đấu

Gồm (nhưng không giới hạn ở):

Acebutolol;	Labetalol;
Alprenolol;	Levobunolol;
Atenolol;	Metipranolol;
Betaxolol;	Metoprolol;
Bisoprolol;	Nadolol;
Bunolol;	Oxprenolol;
Carteolol;	Pindolol;
Carvedilol;	Propranolol;
Celiprolol;	Sotalol;
Esmolol;	Timolol.

www.wada-ama.org

